TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03/**2024/HNGĐ – ST
Ngày 23-01 2024
V/v tranh chấp "*Ly hôn*".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thanh Hải;
2. Bà Nguyễn Thị Loan Phụng.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Cẩm Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 418/2023/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp "*Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST – HNGĐ ngày 02/01/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Phương Đ, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số B khu phố B, phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Trần Nam A, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số G Khu phố D, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Phương Đ trình bày:

Vào năm 2022 bà và ông Trần Nam A được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/02/2023.Trong thời gian sống chung bà và ông Trần Nam A không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Nguyên nhân ly hôn: là do trong thời gian chung sống ông, bà bất đồng quan điểm vợ chồng ngày càng mất lòng tin và không còn tiếng nói chung, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành; hiện nay bà và ông Nam A không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Nhận thấy ông, bà có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên bà có yêu cầu như sau:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Nam A. Bà không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

+ *Về con chung, tài sản chung và nợ chung*: Không có nên không yêu cầu giải quyết

Bị đơn ông Trần Nam A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Trần Nam A vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Trần Nam A, sinh năm 1988 có sinh sống và đăng ký thường trú số 72A1 Khu phố D, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bà Nguyễn Phương Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Trần Nam A đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Trần Nam A vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Phương Đ và ông Trần Nam A.

[4] Về nội dung:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Phương Đ và ông Trần Nam A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/02/2023. Vì vậy quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Phương Đ và ông Trần Nam A được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân bà P xin ly hôn với ông Nam A là do trong thời gian chung sống ông, bà bất đồng quan điểm vợ chồng ngày càng mất lòng tin và không còn tiếng nói chung, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành. Xét thấy: Hiện nay bà Nguyễn Phương Đ và ông Trần Nam A không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặt khác ông Nam A biết rõ việc bà Phương Đ xin ly hôn với ông, Tòa án đã tạo điều kiện để bà Nguyễn Phương Đ và ông Trần Nam A hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng ông Nam A vắng mặt không có lý do nên từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà Nguyễn Phương Đ và ông Trần Nam A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phương Đ là phù hợp. Do bà Nguyễn Phương Đ và ông Trần Nam A không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Bà Nguyễn Phương Đ phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56 và Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Phương Đ. Bà Nguyễn Phương Đ được ly hôn với ông Trần Nam A.

Do Bà Nguyễn Phương Đ và ông Trần Nam A không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn nên không xem xét.

2. Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

3.Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Phương Đ phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007243 ngày 27/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Bến Tre*
- *VKSND huyện thành phố Bến Tre;*
- *Chi cục THADS thành phố Bến Tre;*
- *Các đương sự;*
- *UBND phường ;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Thị Phê

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Loan Phụng – Nguyễn Thanh Hải **Huỳnh Thị Phê**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Trần Tất Linh – Đỗ Văn Lom	**Huỳnh Thị Phê**

Nơi nhận:
-VKSND huyện;
- TA tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Tân Phong;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

HUỲNH THỊ PHÊ

Caùc Hoäi thaåm nhaân daân phieân toaø

Thaåm phaùn – Chuû toaï

Nguyễn Văn C – Phạm Minh Đạt Huyønh Thò P1